

Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà;

Căn cứ Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2022;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà thống nhất thông qua:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021; kế hoạch năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

1.1 Các chỉ tiêu SXKD thực hiện năm 2021.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	300.000.000	291.989.305	97%
	- Giá trị xây lắp	10 ³ đ	265.650.000	242.445.991	91%
	- Giá trị ngoài XL	10 ³ đ	35.000.000	49.543.314	141%
2.	Doanh thu	10 ³ đ	290.900.000	271.232.478	93%
3	Tiền về tài khoản	10 ³ đ	340.000.000	265.442.782	78%
4	Nộp Ngân sách	10 ³ đ	29.090.909	26.321.822	90%
5	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	5.000.000	3.596.149	72%

6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8-10%	8%
---	-------------------	---	-------	----

1.2 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	320.000.000
	- Giá trị xây lắp	10 ³ đ	278.000.000
	- Kinh doanh dịch vụ	10 ³ đ	42.000.000
2	Doanh thu	10 ³ đ	309.000.000
3	Tiền về tài khoản	10 ³ đ	350.000.000
4	Nộp ngân sách	10 ³ đ	30.909.091
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	8.000.000
6	Giá trị trúng thầu	10 ³ đ	250.000.000
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8 -10%

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động của năm 2022;

3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 và ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022;

4. Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2021	vnd	3.596.149.732
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	vnd	732.869.807
3	Lợi nhuận sau thuế 2021	vnd	2.863.279.925
4	Tổng lợi nhuận chưa phân phối	vnd	2.863.279.925
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	vnd	463.279.925
-	Chia cổ tức (tỷ lệ 8%, 800đ/cp)	vnd	2.400.000.000

5. Thông qua tờ trình mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022 như sau:

5.1 Tổng mức thù lao chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2021 là: 421.200.000 VNĐ

5.2 Kế hoạch chi trả thù HDQT và BKS năm 2022 như sau:

Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu $\{(Sản\ lượng\ thực\ hiện + Doanh\ thu + Tiền\ về\ tài\ khoản + Lợi\ nhuận)/4\}$ của Công ty lớn hơn hoặc bằng 100% thì thù lao HDQT và Ban kiểm soát là:

- Chủ tịch HDQT:	6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HDQT:	5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát:	4.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát:	3.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký HDQT:	3.000.000 đồng/người/tháng

Đồng thời công ty được trích 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch để thưởng cho HDQT, BKS, Ban TGD, Trưởng, Phó các phòng Công ty.

Trong trường hợp Công ty thực hiện dưới 100% kế hoạch thì mức thù lao HDQT và Ban kiểm soát sẽ tương ứng với mức độ hoàn thành kế hoạch nhưng không thấp hơn 80% mức tiền lương, thù lao đạt kế hoạch của các TV HDQT, BKS và Thư ký HDQT.

6. Thông qua tờ trình về sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động công ty.

Điều 2: Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch Vụ Sông Đà thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành từ ngày 26/4/2022. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức triển khai đúng pháp luật và điều lệ công ty.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các cơ quan, tổ chức liên quan;
- Lưu HDQT, TCHC.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



TRẦN XUÂN CHÍNH

**ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Tên công ty: Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà
Đăng ký kinh doanh số 0104285261 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội
Lần đầu: ngày 30/11/2009 Số 0103042561
Cấp lại lần thứ 7: ngày 30/06/2020 Số 0104285261
Địa chỉ: SN A86- TT9- Khu đô thị Văn Quán Yên Phúc- Q. Hà Đông- TP. Hà Nội.

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Hôm nay vào hồi 8h00 ngày 26 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP PHÁP HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI

I.1 Thành phần tham dự

Số cổ đông có mặt: 26 cổ đông.

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 2.111.800 (cp) chiếm 70,39% CP có quyền biểu quyết.

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.

I.2 Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

Đại hội đã nghe Ông Đinh Hữu Phương - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố biên bản kiểm tra tư cách cổ đông:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty là 3.000.0000 CP
- Tổng số cổ đông được mời đến thời điểm chốt danh sách cổ đông là 197 cổ đông đại diện cho 100% tổng số cổ phần của Công ty.
- Số đại biểu là cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự đại hội là 26 cổ đông đại diện cho 2.111.800 cổ phần, tương ứng 70,39 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông đều đủ điều kiện tham dự họp.
- Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà, phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

II. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN

II.1. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, chỉ định Ban thư ký, Bầu Ban kiểm phiếu; Thông qua chương trình đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội:

1. Ông Nguyễn Anh Tuấn - Trưởng ban tổ chức lên khai mạc và giới thiệu *Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội* gồm có:

- Ông Trần Xuân Chính - Chủ tịch HĐQT (chủ tọa)
- Ông Trần Xuân Minh - Ủy viên HĐQT
- Ông Lê Công Tinh - Ủy viên HĐQT

2. Ông Trần Xuân Chính chủ tọa chỉ định Ông Đào Văn Dũng làm thư ký đại hội

3. Ông Trần Xuân Chính chủ tọa đề cử Ban kiểm phiếu đại hội, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết tỷ lệ thông qua 100% gồm các thành viên sau:

Ban kiểm phiếu gồm:

- Ông Đinh Hữu Phương
- Ông Trần Ngọc Tân
- Ông Ngô Đình Cẩn
- Bà Quản Thiệu Nga
- Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc

4. Ông Lê Công Tinh thay mặt Đoàn chủ tịch đã công bố Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội. Đại hội đã thông qua chương trình đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100%.

II.2 Nội dung chính của Đại hội:

Dưới sự điều khiển của Chủ tịch đoàn, đại hội đã nghe các báo cáo và tờ trình sau:

1. Ông Trần Xuân Minh- TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty lên trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022;

2. Ông Trần Quang Hưng- Trưởng ban kiểm soát lên trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;

3. Ông Ngô Đình Khương -TV HĐQT công ty trình bày một số các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 và ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022
- Tờ trình phương án phân chia lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021;
- Tờ trình thông qua mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022;
- Tờ trình sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty.

4. Các ý kiến thảo luận:

Kết thúc phần trình bày các báo cáo và tờ trình, Ông Trần Xuân Chính - Chủ tọa thay mặt Đoàn chủ tịch hướng dẫn điều hành chương trình thảo luận của các cổ đông và đề nghị các cổ đông nêu ý kiến. Tại đại hội các cổ đông đã đặt rất nhiều câu hỏi được Đoàn chủ tịch trả lời thỏa đáng và các cổ đông không đưa ra thêm ý kiến khác.

III. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC ĐẠI HỘI THÔNG QUA:

Sau thời gian thảo luận, góp ý của cổ đông và giải đáp của Chủ tọa, Chủ tọa đề nghị cổ đông tiến hành biểu quyết các nội dung trên với kết quả như sau:

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022;

Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu (tỷ lệ 100%)

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;

Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu (tỷ lệ 100%)

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 và ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022;

Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu (tỷ lệ 100%)

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

4. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021;

Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu (tỷ lệ 100%)

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

5. Thông qua Tờ trình mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022;

Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu (tỷ lệ 100%)

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

6. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;

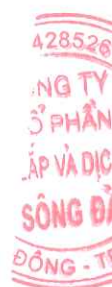
Tổng số phiếu tán thành: 26 phiếu (tỷ lệ 100%)

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

V. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT

Ông Đào Văn Dũng – Thư ký Đại hội đọc toàn văn Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 các cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.



Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 gồm 04 trang, được đọc trước Đại hội và được các cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Đại hội kết thúc vào 11h giờ 00 phút cùng ngày.

TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Đào Văn Dũng



Trần Xuân Chính

Tài liệu lưu kèm:

1. Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông;
2. Tài liệu phục vụ đại hội;
3. Biên bản kiểm phiếu (kèm phiếu biểu quyết số 02/BQ của các cổ đông).



Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TGD ĐỐC ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2021 PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Bước vào năm 2021, trong bối cảnh nước ta và thế giới đang phải gồng mình chống chọi với dịch bệnh Covid -19 mỗi ngày càng diễn biến phức tạp hơn. Thời điểm từ tháng 6 đến tháng 9 do dịch bệnh bùng phát mạnh trong cả nước đặc biệt ở các tỉnh phía Nam, theo chỉ thị của Thủ tướng chính phủ và UBND thành phố Hà Nội phải thực hiện 5 K và giãn cách xã hội cơ quan Công ty đã phải cho CBCNV nghỉ luân phiên. Các công trình nằm trong vùng đỏ nhiều cán bộ kỹ thuật và công nhân đã bị dương tính phải đi cách ly, chính quyền địa phương khoanh vùng dập dịch nên đã ảnh hưởng đến các mặt hoạt động của công ty, nhiều công trình phải dừng thi công nên cũng gặp rất nhiều khó khăn và làm chậm tiến độ đóng điện một số công trình.

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng cho các công trình rất chậm, có nhiều công trình ký hợp đồng từ năm 2019 đến nay vẫn chưa bàn giao hết mặt bằng để thi công.

- Từ cuối năm 2020 đến nay giá cả vật tư biến động khó lường, giá thép tăng 40%, giá đồng tăng 60%, giá các loại vật tư khác như cát san nền, gạch, xi măng đều tăng 20% đến 30%. Giá nhân công thuê ngoài cũng tăng trên 20% so với trước năm 2020 trong khi đó các hợp đồng của đơn vị ký với chủ đầu tư đều là đơn giá cố định không điều chỉnh giá. Với những lý do khách quan như trên đã làm ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của đơn vị.

- Công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm cũng gặp rất nhiều khó khăn, dự toán các công trình do thiết kế lập theo bộ đơn giá cũ từ năm 2017 đã lỗi thời không còn phù hợp với thời điểm hiện tại. Khi làm thầu có các công trình sau khi đã kiểm tra tính toán kỹ lưỡng nhận thấy dù chiết giảm chi phí quản lý và giao khoán tốt, nguy cơ thua lỗ vẫn hiện hữu nên chúng ta đã phải bỏ vượt giá chấp nhận trượt thầu. Mặt khác do cạnh tranh giữa các đơn vị xây lắp rất khốc liệt khi đấu thầu phải giảm giá rất sâu nên lợi nhuận không cao.

Năm 2021 với rất nhiều khó khăn thách thức nhưng với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, cũng như sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty nên đã thực hiện được các chỉ tiêu kinh tế như sau:

Phần I
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

I.1 CÁC CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2021.

T T	Chỉ tiêu	Đ.vị	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	300.000.000	291.989.305	97%
	- Giá trị xây lắp	10 ³ đ	265.650.000	242.445.991	91%
	- Kinh doanh dịch vụ	10 ³ đ	35.000.000	49.543.314	141%
2	Doanh thu	10 ³ đ	290.900.000	271.232.478	93%
3	Tiền về tài khoản	10 ³ đ	340.000.000	265.442.782	78%
4	Nộp Ngân sách	10 ³ đ	29.090.909	26.321.822	90%
5	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	5.000.000	3.596.149	72%
6	Thu nhập BQ của 1 CBCNV	10 ³ đ	11.000	11.000	
7	Lao động	Người	220	162	
8	Vốn điều lệ	10 ³ đ	30.000.000	30.000.000	
9	Đầu tư	10 ³ đ	1.380.000	100.000	
10	Kế hoạch tiếp thị đấu thầu	10 ³ đ	1.500.000.000	3.031.014.243	
	<i>Trúng thầu</i>	10 ³ đ	250.000.000	321.787.541	161%
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8 - 10%	8%	

1-Tổng giá trị SXKD 2021 thực hiện: 291,9 tỷ đồng/ 300 tỷ đồng bằng 97% KH năm.

Trong đó:

+ Giá trị kinh doanh xây lắp: thực hiện 242,4 tỷ đồng /KH 265,0 đạt 91% KH năm .

+ Giá trị kinh doanh dịch vụ: thực hiện 49,5 tỷ đồng / KH 35 tỷ đồng đạt 142% KH năm.

2- Doanh thu là: 271 tỷ đồng/ 290,9 tỷ đồng bằng 93% KH năm.

3- Vốn chủ sở hữu: đến ngày 31/12/2021 là **48.491.929.728** đồng

+ Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế : 2.863.279.925 đồng

+ Quỹ đầu tư phát triển : 15.628.649.803 đồng

4- Lợi nhuận thực hiện trước thuế: 3,59 tỷ đồng/5,0 tỷ đồng bằng 72% KH năm.

5- *Nộp ngân sách Nhà nước*: 26,3 tỷ đồng/KH 29,1 tỷ đồng bằng 90% KH năm.

6- *Tiền về tài khoản*: 265,45 tỷ đồng/KH 340 tỷ đồng bằng 78% KH năm.

7- *Chia cổ tức năm 2021*: 8%.

I.2 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, TIẾN ĐỘ THI CÔNG CÁC DỰ ÁN

• **Năm 2021 đã hoàn thành đóng điện 7/10 công trình trọng điểm như sau:**

1. ĐZ 500 kV Dốc Sỏi – Pleiku2 (Đóng điện ngày 29/6/2021).
2. TBA 220 kV Lao Bảo (đóng điện 29/6/2021) và mở rộng TBA 220 kV Đông Hà (đóng điện 29/10/2021).
3. TBA 220 kV Sơn Động (đóng điện tháng 28/ 10/2021).
4. TBA 220 kV Châu Thành (Đóng điện ngày 21/12/2021).
5. Mở rộng TBA 500 kV Dốc sỏi (Đóng điện 22/12/2021).
6. ĐZ 500 kV Quảng Trạch – Dốc Sỏi: Cắt điện hoàn thành chuyển M1, M2 ngày 31/12/2021.
7. TBA 110 kV Kiện Khê (Đóng điện tháng 16/1/2022).

• **Các công trình dự kiến đóng điện năm 2021 tuy nhiên do vướng mắc của chủ đầu tư như không giải phóng được mặt bằng đất vĩnh viễn và thay đổi điều chỉnh thiết kế nên đang phải chờ giải quyết chưa đóng điện như:**

1. ĐZ 500 kV Sông Hậu – Đức Hòa (gđ 2) (dự kiến đóng điện quý 2/2022)
2. ĐZ 220 kV Hải Dương – Phố Nối (gói 14) (dự kiến đóng điện tháng 6/2022)
3. TBA 220 kV Yên Mỹ (Dự kiến đóng điện tháng 6/2022)
4. Mở rộng TBA 500 kV Quảng Ninh (chờ MBA dự kiến tháng 3/2022)

• **Các công trình mới ký hợp đồng vào cuối năm 2021 đang triển khai và chuẩn bị thi công như.**

1. ĐZ 500kV Vân Phong (dự kiến đóng điện tháng 12/2022)
2. TBA 220kV Duyên Hải – Trà Vinh (đang chờ bàn giao mặt bằng, dự kiến đóng điện tháng 12/2022).
3. TBA 220kV Phố Cao – Hưng Yên (Đang chờ bàn giao mặt bằng, dự kiến đóng điện tháng 6/2023).

I.3 - CÁC CÔNG TRÌNH CHẠM TIẾN ĐỘ SO VỚI KẾ HOẠCH BAN ĐẦU.

• *Nguyên nhân khách quan.*

- Đường dây 500 kV Quảng Trạch – Dốc Sỏi. Theo kế hoạch sẽ cắt điện để chuyển mạch từ ĐZ 500 kV mạch 1, mạch 2 và mạch 3 vào ngày 25 tháng 5 năm 2021 nhưng do dịch Covid và truyền tải lưới điện nên đã bị hoãn nhiều lần và đến 22/12/2021 chủ đầu tư mới cắt được điện để thi công chuyển mạch.

- Thay MBA 500 kV AT1 và AT2 tại TBA 500kV Quảng Ninh, hiện nay vẫn chưa có máy AT2 để thay dự kiến tháng 3/2022 mới có máy.
- ĐZ 220kV Hải Dương chậm do vướng mắc đền bù không có mặt bằng và thay đổi thiết kế và dịch bệnh Covid.
- TBA 220kV Sơn Động - Bắc Giang chậm do địa chất có sai khác về thiết kế và dịch bệnh Covid.
- Mở rộng TBA 220kV Đông Hà, TBA 220 kV Châu Thành, TBA 220 kV Yên Mỹ, TBA 110 kV Kiện Khê do chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng và dịch bệnh Covid.
- Ngoài ra do giá cả vật tư và nhân công tăng cao cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ các công trình.

• **Nguyên nhân chủ quan.**

- Đội ngũ cán bộ chỉ huy trưởng, đội trưởng và kỹ thuật hiện trường có nhiệt tình tuy nhiên do trình độ và kinh nghiệm còn nhiều hạn chế nên chưa chủ động giải quyết được các vướng mắc khó khăn phát sinh trên công trường. Quan hệ với chủ đầu tư, tư vấn giám sát và các đối tác còn chưa khôn khéo. Cán bộ làm công tác đền bù đất mượn thi công không có chuyên môn nên công tác đền bù đất mượn thi công rất chậm và chi phí rất lớn.
- Hiện nay đội ngũ công nhân kỹ thuật của công ty còn lại rất ít, Các công trình đều phải thuê nhân công bên ngoài. Từ năm 2019 do các chủ đầu tư điện gió, điện mặt trời chạy theo tiến độ để được hưởng giá ưu đãi nên đã thuê khoán giá nhân công rất cao do đó thu hút lực lượng công nhân dựng cột, kéo dây dẫn đến công tác giao khoán gặp rất nhiều khó khăn.
- Năm 2021 triển khai thi công nhiều công trình, các ban chỉ huy chưa chủ động mua được vật tư phụ, nhỏ lẻ nên tất cả đều do phòng kinh doanh mua sắm do đó việc cung cấp vật tư cho các công trình chưa được chính xác và kịp thời.
- Công tác phối hợp giữa các phòng ban công ty với các Ban chỉ huy công trường đã được cải thiện tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

I.4 Công tác quản lý vận hành tại BQL Tòa nhà:

- Trong năm Ban quản lý tòa nhà đã quản lý kỹ thuật, vận hành đảm bảo an toàn hệ thống, không để xảy ra sự cố tại các tòa nhà.
- Công ty thường xuyên tổ chức lớp tập huấn công tác bảo vệ, an ninh trật tự xung quanh Tòa nhà do Công an địa phương tổ chức để nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ bảo vệ của Công ty.
- Tập huấn công tác PCCC định kỳ theo sự hướng dẫn của Cảnh sát PCCC Quận Nam Từ Liêm.

I.5 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính thực hiện trong năm 2021:

Chỉ tiêu	TH năm 2020	KH năm 2021	TH năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Suất sinh lời của Vốn chủ sở hữu (ROE)	5,37%	8,08%	5,9%

Chỉ tiêu	TH năm 2020	KH năm 2021	TH năm 2021
Suất sinh lời của Tài sản (ROA)	1,75%	2,63%	2,07%
Suất sinh lời của Doanh thu (ROS)	1,24%	1,37%	1,06%
Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,39 (lần)	1,39 (lần)	1,43 (lần)
Khả năng thanh toán nhanh	0,96 (lần)	0,96 (lần)	1,03 (lần)
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	67,42%	67,47%	64,96%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	32,58%	32,53%	35,04%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,42 (lần)	1,92 (lần)	1,96 (lần)
Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	4,35 (lần)	5,89 (lần)	5,59 (lần)

I.6 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I.6.1 Danh sách ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
Danh sách Ban điều hành		
1	Trần Xuân Minh	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Cao Ngọc	Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật thi công
3	Đặng Vũ Quyền	Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật thi công
4	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kinh tế
5	Ngô Đình Khương	Kế toán trưởng

I.6.2 Chính sách và những thay đổi trong chính sách với người lao động

Tổng số CBCNV tính đến tháng 12/2021: 162 người

Lương bình quân đầu người/tháng: 11.000.000 đồng/người/tháng.

Trong đào tạo và tuyển dụng Công ty luôn tìm kiếm và tuyển dụng sử dụng tài năng, đặc biệt là những người trẻ, nhiệt huyết tạo mọi điều kiện để cá nhân phát huy hết khả năng của mình.

Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Công ty với người lao động, Công ty đã đóng BHXH, BHYT... theo quy định của nhà nước và Hợp đồng lao động.

Năm 2021 do dịch bệnh làm ảnh hưởng đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị nhưng hàng tháng công ty vẫn chi trả lương đúng hạn, không bị nợ lương.

Luôn quan tâm hỗ trợ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần người lao động, Công ty cũng khen thưởng bằng tiền cho các cháu là con CBCNV công ty đạt thành tích cao trong học tập, tổ chức các buổi liên hoan, tạo không khí đoàn kết, thân tình giữa các CBCNV.

I.7 CÔNG TÁC ĐẦU TƯ, TIẾP THỊ ĐẦU THẦU:

I.7.1 Công tác đầu tư:

- Trong năm 2021 đơn vị triển khai đầu tư một số máy móc, thiết bị, văn phòng với giá trị 0,1 tỷ đồng bằng 7% kế hoạch năm.

I.7.2 Công tác tiếp thị đấu thầu:

Trong năm 2021 đơn vị đã tham gia tiếp thị đấu thầu 33 công trình với giá trị 3.031 tỷ đồng.

+ Số công trình trúng thầu là 3 công trình với giá trị 321,78 tỷ đồng chiếm 10,62% trên giá trị tham gia chào thầu.

Đầu năm 2021 công tác tiếp thị đấu thầu gặp rất nhiều khó khăn do giá gói thầu quá thấp và cạnh tranh quyết liệt giữa các đơn vị xây lắp nên đơn vị không trúng được công trình nào. Nửa cuối năm 2021 với sự nỗ lực của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, phòng kinh doanh, Công ty đã trúng thầu được 03 công trình với giá trị rất lớn.

II. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ - CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CỦA HĐQT:

II.1 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ
Danh sách Hội đồng quản trị		
1	Trần Xuân Chính	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Trần Xuân Minh	Ủy viên Hội đồng quản trị
3	Lê Công Tinh	Ủy viên Hội đồng quản trị
4	Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên Hội đồng quản trị
5	Ngô Đình Khương	Ủy viên Hội đồng quản trị
Danh sách Ban kiểm soát		
1	Trần Quang Hưng	Trưởng Ban
2	Đình Hữu Phương	Thành viên
3	Trần Ngọc Tân	Thành viên

II.2 HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm tài chính 2021 của Công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội về tình hình thực hiện nhiệm vụ của HĐQT và việc thực hiện chỉ đạo, giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành của Công ty trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021 như sau:

II.2.1 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị Quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, quan tâm giám sát hoạt động lãnh đạo, chỉ

đạo điều hành đối với Ban Tổng giám đốc thông qua các cuộc họp giao ban tuần, tháng, thông qua các trao đổi hàng ngày hoặc thông qua các số liệu báo cáo của các phòng ban chức năng.

- Đánh giá, phân tích, dự báo tình hình hoạt động kinh doanh theo từng tháng, quý để có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban TGD nhằm huy động có hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do HĐQT ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng

II.2.2- Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
I	Nghị Quyết HĐQT		
I.1	01/NQ-HĐQT	01/03/2021	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
I.2	02/NQ-HĐQT	26/03/2021	Cuộc họp thường kỳ quý I
I.3	03/NQ-HĐQT	26/03/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
I.4	04/NQ-HĐQT	19/07/2021	Cuộc họp thường kỳ quý II đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm
I.5	05/NQ-HĐQT	20/12/2021	Cuộc họp thường kỳ đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022
II	Quyết định HĐQT		
II.1	01/CT-QĐ-HĐQT	20/01/2021	Về việc phê duyệt chi lương tháng thứ 13
II.2	02/CT-QĐ-HĐQT	03/05/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021
II.3	03/CT-QĐ-HĐQT	07/10/2021	Phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

II.2.4- Thù lao của HĐQT năm 2021

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2021 đã chi trả giảm theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm đúng theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty với tổng số tiền : 421.200.000 đồng; chi tiết cụ thể như sau:

+ Thù lao chủ tịch HĐQT : 64.800.000 đồng.

- + Thù lao các thành viên HĐQT: 216.000.000 đồng
- + Thù lao TB kiểm soát: 43.200.000 đồng
- + Thù lao các thành viên ban kiểm soát: 64.800.000 đồng
- + Thù lao thư ký HĐQT: 32.400.000 đồng

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH SXKD TRONG NĂM 2022

I. CÁC CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2022:

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng giá trị SXKD	10³đ	320.000.000
	- Giá trị xây lắp	10 ³ đ	278.000.000
	- Kinh doanh dịch vụ	10 ³ đ	42.000.000
2	Doanh số bán hàng	10 ³ đ	340.000.000
3	Tiền về tài khoản	10 ³ đ	350.000.000
4	Nộp Ngân sách	10 ³ đ	30.909.091
5	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	8.000.000
6	Thu nhập BQ của 1 CBCNV	10 ³ đ	11.000
7	Lao động	Người	220
8	Vốn điều lệ	10 ³ đ	30.000.000
9	Đầu tư	10 ³ đ	250.000
10	Tiếp thị đấu thầu	10 ³ đ	2.050.000.000
	<i>Giá trị trúng thầu</i>	<i>10³đ</i>	<i>250.000.000</i>
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8 -10%

II. TIẾN ĐỘ, THI CÔNG CÁC DỰ ÁN

1. Tiến độ các công trình thi công năm 2022:

*** Đường dây 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi:**

Hoàn thành, đóng điện bàn giao cho chủ đầu tư trước ngày 30/03/2022.

*** Công trình TBA 220kV Châu Thành:**

Hoàn thành, đóng điện toàn bộ công trình trước ngày 31/3/2022.

*** Công trình ĐZ 500kV Sông Hậu - Đúc hòa gđ 2:**

Hoàn thành, đóng điện bàn giao cho chủ đầu tư trước ngày 30/6/2022.

*** Công trình TBA 220kV Yên Mỹ- Hưng Yên:**

Tập trung nhân lực đóng điện bàn giao cho chủ đầu tư trước ngày 30/6/2022.

*** Công trình ĐZ 500kV Vân Phong:**

Tập trung nhân lực đóng điện bàn giao cho chủ đầu tư trước ngày 31/12/2022.

*** Công trình ĐZ 220kV Hải Dương:**

Tập trung nhân lực đóng điện bàn giao cho chủ đầu tư trước ngày 30/6/2022.

* Triển khai thi công công trình TBA 220kV Duyên hải - Trà Vinh , TBA 220kV Phố Cao – Hưng Yên khi chủ đầu tư bàn giao mặt bằng dự kiến tháng 4/2022.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức nhân sự:

Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định và quy trình quản lý kỹ thuật, tài chính kinh tế và tiền lương để có điều chỉnh bổ sung phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh trong năm tới, khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý;

Xây dựng một tập thể đoàn kết, gắn bó trong sinh hoạt và trong công tác. Chú trọng công tác đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật giỏi về chuyên môn, nhanh nhạy trong công tác thị trường. Động viên, khuyến khích cán bộ kỹ thuật hiện có tự học tập nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện hiện nay.

Cơ cấu lại các Ban chỉ huy công trường sao cho gọn nhẹ làm việc hiệu quả. Tinh giảm biên chế, kiên quyết thanh lý những cán bộ kỹ thuật yếu kém không đủ trình độ và kinh nghiệm để giải quyết công việc được giao.

2. Công tác đầu tư:

HĐQT đang tìm hiểu thị trường để đầu tư các lĩnh vực như thuê đất 50 năm làm dự án khu cụm công nghiệp cho thuê. Ngoài ra để đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 và sự phát triển bền vững của Công ty theo đúng định hướng, kế hoạch đầu tư năm 2022 đơn vị dự kiến đầu tư 250 triệu đồng. Trong đó:

* Dự án nâng cao năng lực điều hành, sản xuất: 250 triệu đồng.

3. Công tác tiếp thị đấu thầu:

Công tác tiếp thị đấu thầu là việc làm thường xuyên nhằm tìm kiếm công việc làm cho CBCNV, ổn định và nâng cao đời sống cho CBCNV trong đơn vị duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Từng bước định hình sản phẩm mũi nhọn trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ đặc biệt chú trọng trong công tác khai thác và quản lý vận hành tòa nhà cao ốc, văn phòng.

Hiện nay công tác tiếp thị đấu thầu gặp rất nhiều khó khăn do giá dự toán lập rất thấp. Các đơn vị xây lắp đều có nguy cơ hết việc do đó thời gian tới tính cạnh tranh sẽ rất quyết liệt. Để đảm bảo việc làm cho CBCNV trong năm 2022 và các năm tiếp theo, Công ty cần tích cực và chủ động trong công tác tiếp thị đấu thầu. Đảm bảo năm 2022 giá trị trúng thầu đạt trên 250 tỷ để có việc làm gói vụ sang năm 2023.

4. Công tác quản lý kỹ thuật và an toàn lao động.

Tăng cường việc kiểm tra trực tiếp thi công xây lắp tại các công trình và công tác quản lý kỹ thuật tại các công trường.

Phối hợp với các ban chỉ huy, đội thi công để giải quyết những khó khăn vướng mắc tại hiện trường, cũng như công tác chỉ đạo tiến độ thi công công trình.

Tiếp tục xây dựng các biện pháp an toàn thi công cho từng hạng mục công việc cụ thể. Nghiêm cấm làm khi không có biện pháp an toàn trong thi công. Tăng cường kiểm tra sát hạch công tác an toàn lao động cho tất cả cán bộ công nhân viên trong đơn vị.

5. Công tác kinh tế - tài chính:

Xem xét các công trình chậm tiến độ kéo dài từ các năm 2018 đến nay chưa hoàn thành mà lỗi do chủ đầu tư không giải phóng được mặt bằng cụ thể là CT:ĐZ 500kV Sông

Hậu- Đức Hòa gd2 (ký HĐ từ năm 2018) CT:ĐZ 220kV Hải Dương – Phó Nội (ký HĐ từ năm 2019) CT:ĐZ nhánh rẽ TBA 220kV Yên Mỹ(ký HĐ từ năm 2019) Năm 2021 chúng ta đã phải gánh lỗ cho các công trình này và nếu năm 2022 vẫn tiếp tục chờ đợi thi công thì sẽ tiếp tục bị lỗ. Làm việc với chủ đầu tư để trả lại công trình.

Xây dựng các biện pháp cụ thể để tăng cường công tác thu hồi công nợ nhằm tăng nhanh vòng quay của vốn, giảm lãi vay, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Triển khai việc thực hiện công tác hạch toán kinh doanh tiết kiệm chi phí bằng cách lập chi phí cho phù hợp với thực tế, giảm tối đa chi phí lãi vay và các chi phí quản lý khác.

Triển khai công tác xây dựng và phê duyệt giá thành từng công trình để từ đó Ban Tổng giám đốc căn cứ vào giá thành được duyệt để giao khoán cho các tổ đội.

Thực hiện công tác thanh quyết toán hàng tháng với từng đội, từng công trình, hàng tháng cập nhật chứng từ và đối chiếu công nợ giữa Công ty với các đội.

Cung cấp đầy đủ vốn, vật tư nhân lực thiết bị máy móc kịp thời cho các chủ công trình, trả lương kịp thời cho cán bộ công nhân viên nhằm đảm bảo đời sống và giúp cho cán bộ công nhân viên yên tâm công tác.

Tăng cường mối quan hệ với các tổ chức tín dụng (Ngân hàng, Công ty tài chính) thông qua các hợp đồng thoả thuận hợp tác, đa dạng hoá kênh huy động vốn. Đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Công tác khai thác, quản lý tòa nhà:

Nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên trong công tác vận hành tòa nhà văn phòng.

Vận hành và quản lý tòa nhà HH4, tòa nhà tổng cục hải quan, an toàn, hiệu quả.

Không để xảy ra sự cố cháy nổ nào dù là nhỏ nhất, đảm bảo việc diễn tập PCCC thường xuyên định kỳ (diễn tập quy mô nhỏ mỗi tháng 1 lần, diễn tập quy mô lớn với sự tham gia của cảnh sát PCCC khu vực 1 năm 1 lần).

Xin trân trọng cảm ơn các quý vị!

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



TRẦN XUÂN CHÍNH

BAN KIỂM SOÁT

Hà nội, ngày 05 tháng 04 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông.

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp 2020 và luật chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Ban Kiểm soát báo cáo tình hình hoạt động và kết quả kiểm soát tại Công ty năm 2021 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Kết quả hoạt động kiểm soát năm 2021:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát 2021:

- Ban Kiểm soát (BKS) đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, việc thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, việc tuân thủ điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty;

- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2021;

2. Sự phối hợp của BKS với HĐQT, ban Tổng giám đốc và cổ đông:

- Hội đồng quản trị Công ty đã họp và ban hành nghị quyết, quyết định, theo đúng quy chế hoạt động. Trên cơ sở Nghị quyết HĐQT, Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty thực hiện hoàn thành các Nghị quyết HĐQT giao.

- HĐQT, ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, thông tin về công tác quản lý điều hành SXKD theo yêu cầu của BKS nhằm tạo điều kiện cho BKS thực hiện quyền và nghĩa vụ theo yêu cầu của pháp luật.

- Quan hệ với cổ đông: trong năm 2021 không có văn bản nào của cổ đông gửi về BKS để yêu cầu kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành SXKD của HĐQT và ban Tổng giám đốc.

3. Kết quả Kiểm soát năm 2021:

3.1 Giám sát việc quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông giao:

- Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc công ty đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 để thực hiện quản lý và điều hành công ty, cơ bản thực hiện hoàn thành các nội dung Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2021.

3.2 Kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.

3.2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2021 của Công ty như sau:

ĐVT: 1.000đ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ HT (%)
1	Giá trị sản lượng	251.602.952	300.000.000	291.989.305	97%
2	Doanh thu	209.741.260	290.909.090	271.232.478	93%
3	Tiền về tài khoản	250.054.663	340.000.000	265.442.782	78%
4	Lợi nhuận trước thuế	3.546.880	5.000.000	3.596.149	72%
5	Các khoản phải nộp NSNN	20.968.656	29.090.909	26.321.822	90%
6	Thu nhập BQ của 1 CBCNV	10.000	10.000	10.000	100%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	8%	8-10%	8%	
8	Tỷ lệ LN/DT	1,69%	1,67%	1,22%	

3.2.2 Nhận xét, đánh giá:

+ Giá trị sản lượng thực hiện so với kế hoạch đề ra đạt 97%, doanh thu đạt 93%, lợi nhuận trước thuế đạt 72%.

+ Tiền về tài khoản đạt 78% so với kế hoạch.

+ Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến là 8-10% hoàn thành so với kế hoạch đề ra.

4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, trung thực, mức độ cần trọng trong quản lý tài chính, tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

4.1 Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021:

Ban Kiểm soát đã tiến hành xem xét Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021, kiểm tra sổ sách kế toán, kiểm tra chọn mẫu một số chứng từ thu, chi, chứng từ ngân hàng, phiếu nhập xuất vật tư, chứng từ thanh toán tạm ứng, thanh

toán công nợ; Báo cáo chi tiết công nợ, báo cáo kiểm kê tài sản, vật tư, tiền vốn, báo cáo các khoản đầu tư...

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty (đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C), Ban Kiểm soát đã thẩm định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Công ty đã ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên sổ sách kế toán và báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty một cách trung thực và hợp lý, tuân thủ các quy định về tài chính, kế toán, thuế hiện hành của Nhà nước.

4.1.2 Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:

- Tổng tài sản:	138.387.779.830 đồng
+ Tài sản ngắn hạn:	128.603.261.299 đồng
+ Tài sản dài hạn:	9.784.518.531 đồng
- Tổng nguồn vốn:	138.387.779.830 đồng
+ Nợ phải trả:	89.895.850.102 đồng
+ Nguồn vốn chủ sở hữu:	48.491.929.728 đồng
- Kết quả sản xuất kinh doanh:	
+ Tổng doanh thu bán hàng:	271.232.478.120 đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	3.596.149.732 đồng
+ Lợi nhuận sau thuế:	2.863.279.925 đồng

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1- Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1- Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	92,21	92,93
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	7,79	7,07
1.2- Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	67,42	64,96
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	%	31,58	35,04
2- Khả năng thanh toán			
2.1- Khả năng thanh toán nhanh		0,96	1,03
2.2- Khả năng thanh toán hiện hành		1,39	1,43
3- Tỷ suất sinh lời			
3.1- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /doanh thu	%	1,24	1,06
3.2- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /tổng tài sản (ROA)	%	1,75	2,07
3.3- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,37	5,9

* Nhận xét, đánh giá:

Qua xem xét, phân tích các số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn là 92,93% tăng so với năm 2020 (92,21%) và tỷ trọng Tài sản dài hạn là 7,07% giảm so với năm 2020 (7,79%) điều này cho thấy cơ cấu tài sản vẫn chưa cân đối, tỷ trọng tài sản dài hạn là rất thấp 7,07%, tỷ trọng tài sản ngắn hạn là 92,93% trong đó giá trị phải thu của khách hàng 77,7 tỷ, điều này cho thấy vốn kinh doanh của Công ty đang bị chiếm dụng và ứ đọng.

- Chỉ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2021 là 1,03 phản ánh khả năng hoàn trả được các khoản nợ ngắn hạn trong thời gian ngắn. Chỉ số thanh toán hiện hành năm 2021 là 1,43% là rất tốt điều này thể hiện Công ty có thể thanh toán được hết các khoản nợ.

- Chỉ tiêu hàng tồn kho cuối năm 2021 của Công ty là 35,82 tỷ cũng đã giảm so với đầu kỳ là 42,36 tỷ.

- Trong năm 2021 các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng về cơ bản đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, thực hiện đúng các quy định của Luật kế toán, Luật chứng khoán, hạch toán theo đúng chế độ, chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty tuân thủ theo chế độ quản lý tài chính hiện hành, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Chi trả thù lao HĐQT và BKS 2021:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2021 đã chi trả đúng theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty với tổng số tiền: 421.200.000 đồng; cụ thể:

- + Thù lao chủ tịch HĐQT: 64.800.000 đồng.
- + Thù lao các thành viên HĐQT: 216.000.000 đồng
- + Thù lao TB kiểm soát: 43.200.000 đồng
- + Thù lao các thành viên ban kiểm soát: 64.800.000 đồng
- + Thù lao thư ký HĐQT: 32.400.000 đồng

6. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Đề nghị Công ty đẩy nhanh việc thu hồi vốn, giảm giá trị dở dang, giảm công nợ phải thu của khách hàng.

- Tăng cường hơn nữa công tác tiếp thị đấu thầu, công tác đầu tư.

- Nghiên cứu, xây dựng định mức tồn kho vật tư hợp lý vừa đảm bảo phục vụ kịp thời cho sản xuất, giảm mức tồn kho;

- Rà soát và định biên lại nhân sự các phòng ban, tổ đội gọn nhẹ hơn để tiết giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Nghiên cứu sử dụng các quỹ Đầu tư phát triển, khen thưởng phúc lợi để đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho công nhân viên, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

II. Kế hoạch công tác kiểm soát năm 2022:

Ban kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành của Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty và Pháp luật hiện hành.

Nhiệm vụ cụ thể năm 2022 như sau:

- Quý I/2022:

+ Rà soát, xem xét báo cáo tài chính năm 2021

+ Giám sát các mặt hoạt động của Công ty, việc triển khai kế hoạch SXKD quý I/2022

- Quý II/2022:

+ Báo cáo kết quả kiểm soát năm 2021 trình ĐHĐCĐ thường niên 2022

+ Xem xét báo cáo tài chính quý I/2022

+ Kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên

- Quý III/2022:

+ Xem xét báo cáo tài chính quý II/2022

+ Xem xét tình hình thực hiện SXKD quý III/2022, công tác đầu tư, thu hồi vốn, quyết toán các công trình.

- Quý IV/2022:

+ Xem xét báo cáo tài chính quý III, IV/2022

+ Xem xét tình hình thực hiện chế độ đối với người lao động, công tác thanh quyết toán thu hồi vốn các công trình.

+ Rà soát đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022

+ Rà soát số liệu, sổ sách chứng từ để chuẩn bị cho BCTC năm 2022

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Quang Hưng

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP XL & DV SÔNG ĐÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
"V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2022"

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp;
- Điều lệ Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà;

Để thực hiện việc kiểm toán độc lập các Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty CP Xây lắp và Dịch Vụ Sông Đà theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Hội Đồng quản trị công ty kính trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có đầy đủ tư cách pháp nhân để kiểm toán BCTC năm 2022 theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng Khoán đã quy định.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- ĐH cổ đông;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH



Trần Xuân Chính

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP XL & DV SÔNG ĐÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
“V/v: Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận
và chia cổ tức năm 2021”

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức; Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà;
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội Đồng Cổ đông phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2021	đồng	3.596.149.732
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	đồng	732.869.807
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	đồng	2.863.279.925
4	Tổng lợi nhuận phân phối	đồng	2.863.279.925
-	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng	463.279.925
-	Chia cổ tức (10.000 đồng/cổ phần, tỷ lệ 8%)	đồng	2.400.000.000

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- ĐH cổ đông;
- Lưu HĐQT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH


Trần Xuân Chính

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
“V/v: Thông qua mức tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát”

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp;
 - Điều lệ Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà;
- Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

I. Về chi phí thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021:

Tình hình chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cụ thể như sau: Mức độ hoàn thành trung bình các chỉ tiêu kinh tế tài chính năm 2021 đạt 90% do đó tổng số thù lao năm 2021 phải trả là: 421.200.000, đồng (Bằng chữ: bốn trăm hai mươi một triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn)

Đvt: Đồng

TT	CHỨC DANH	Số lượng	Số tháng	Tổng số thù lao năm 2021
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	64.800.000
2	Thành viên HĐQT	4	12	216.000.000
3	Trưởng BKS	1	12	43.200.000
4	Thành viên BKS	2	12	64.800.000
5	Thư ký HĐQT	1	12	32.400.000
	Tổng cộng			421.200.000

II. Kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022:

Việc xây dựng kế hoạch thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty gắn trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu [(Sản lượng TH + Doanh Thu + Tiền về TK + Lợi nhuận)/4] năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Vì vậy, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

1. Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty lớn hơn hoặc bằng 100% thì thù lao HĐQT và Ban kiểm soát là:

- Chủ tịch HĐQT: 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng

Đồng thời, Công ty được trích 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch để thưởng cho: HĐQT, BKS, Ban TGD, Trưởng phó các phòng Công ty.

3. Trong trường hợp Công ty thực hiện dưới 100% các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu thì mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát sẽ tương ứng với mức độ hoàn thành kế hoạch, nhưng không thấp hơn 80% mức tiền lương, thù lao đạt kế hoạch của các TV HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- ĐH cổ đông;
- Lưu HĐQT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH



Trần Xuân Chính
Trần Xuân Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
“V/v: Sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động công ty”

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp;
 - Điều lệ Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà;
- Để thực hiện việc tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xây lắp và Dịch Vụ Sông Đà theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Hội Đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng Khoán 2019 quy định.

(có bản sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động kèm theo tài liệu)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH



TRẦN XUÂN CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DỰ THẢO



SDSEC

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CP XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

*Ban hành theo Nghị quyết số 01/2022/NQ- DHĐCĐ ngày...tháng 04 năm 2022
(Sửa đổi lần 7)*

Hà Nội, năm 2022

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

(Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 04 năm 2022 của
Đại hội đồng cổ đông Công ty)

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/ tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ biên bản họp số của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xây lắp và dịch vụ Sông Đà ngàythángnăm 2022 về việc phê duyệt sửa đổi lần thứ 7 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà;

Căn cứ Nghị quyết sốcủa Đại hội đồng cổ đông ngàythángnăm 2022 về việc phê duyệt sửa đổi lần thứ 7 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời hạn hoạt động Công ty	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.	2
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	2
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	4
IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	4
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	4
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	5
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	6
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	8
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Thay đổi các quyền	15
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	32
Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 31. Cán bộ quản lý và bộ máy giúp việc	32
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng Giám đốc điều hành	33
Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty	35
IX. BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	36
Điều 35. Thành phần Ban kiểm soát.....	36
Điều 36. Trưởng Ban kiểm soát.....	37
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát.....	37
Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	39

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	39
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	40
Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng	40
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	40
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	41
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	42
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	42
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	42
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	42
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	43
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	43
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	43
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	43
Điều 47. Quỹ dự trữ	43
Điều 48. Năm tài chính	44
Điều 49. Chế độ kế toán.....	44
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	44
Điều 50. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	44
Điều 51. Báo cáo thường niên	45
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	45
Điều 52. Kiểm toán	45
XVII. CON DẤU.....	45
Điều 53. Con dấu	45
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	45
Điều 54. Chấm dứt hoạt động	45
Điều 55. Gia hạn hoạt động	46
Điều 56. Thanh lý	46
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	47
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	47
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	47
Điều 59. Ngày hiệu lực	48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được cổ đông của Công ty thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức chính thức vào ngày tháng.... năm 2022

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. "*Công ty*" là Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà
 - b. "*Vốn điều lệ*" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
 - c. "*Vốn có quyền biểu quyết*" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - e. "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - f. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - g. "*Người quản lý doanh nghiệp và cán bộ quản lý*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - h. "*Người điều hành doanh nghiệp*" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, và Kế toán trưởng;
 - i. "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.
 - j. "*Cổ đông*" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. "*Cổ đông sáng lập*" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - l. "*Sở giao dịch chứng khoán*" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - m. "*Thời hạn hoạt động*" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - n. "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề của Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà
- Tên tiếng Anh: Song Da Construction & Service Joint Stock Company
- Tên giao dịch : SONG DA SDSEC
- Mã chứng khoán: XLV
- Biểu tượng:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số nhà A86- TT9- Khu đô thị mới Văn Quán- Yên Phúc- Phường Văn Quán- Hà Đông- Hà Nội.
- Điện thoại: 024 6 660 2550
- Fax: 024 3 354 5648 – 024 3 354 5647
- E-mail: songdasdsec@gmail.com
- Website: www.songdasdsec.com.vn

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập Công ty TNHH một thành viên, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm bắt đầu từ ngày thành lập

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp; Xây lắp hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện đô thị và khu công nghiệp, kết cấu công trình; Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp cấp điện áp đến 500KV; Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện, quản lý vận hành phân phối điện, nước cho các công trình;</p>	4299 (Chính)
2	<p>Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng</p>	4719
3	<p>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí</p>	4322
4	<p>Truyền tải và phân phối điện</p> <p>Chi tiết: Quản lý và vận hành kinh doanh điện Phân phối điện; Bán buôn điện; Bán lẻ điện (Điều 31,32, 33 Nghị Định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013) (trừ truyền tải và điều độ Hệ thống điện quốc gia)</p>	3512
5	<p>Sản xuất điện</p>	3511
6	<p>Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm loại hình vui chơi giải trí mà nhà nước cấm, không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);</p>	9329
7	<p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản: Quản lý và vận hành các tòa nhà văn phòng, khu đô thị mới, chung cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; Dịch vụ tư vấn bất động sản (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp lý);</p>	6820
8	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Khai thác kinh doanh nhà ở, nhà cho thuê; Kinh doanh bất động sản (Chương II Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014) Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở (Điều 105 Luật Nhà ở năm 2014)</p>	6810
9	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)</p>	8299
10	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ kinh doanh khách sạn;</p>	5510

11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500KV	7110
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;	2592
14	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Nghiên cứu thị trường và môi giới thương mại ;	8230
15	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng, cửa hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường) ;	5610
16	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ, điện lạnh, chiếu sáng, thông gió, điều hoà, thông tin và điều khiển của các toà nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;	4321

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty và các doanh nghiệp khác; Tối đa hóa lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập cho người lao động;
- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của toàn Công ty;
- Đa dạng hóa ngành, nghề kinh doanh, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể đầu tư tài chính vào các Công ty con, công ty liên kết hoặc tiến hành kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và sau khi được đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nếu bất kỳ hoạt động kinh doanh nào nêu trên là hoạt động kinh doanh có điều kiện thì Công ty chỉ tiến hành hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đó sau khi được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.
3. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc thu hẹp hoặc mở rộng các ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*).

Tổng số vốn điều lệ này được chia thành 3.000.000 (Ba triệu cổ phần) với mệnh giá (01) cổ phần là 10.000 đồng (bằng chữ: Mười nghìn đồng chẵn).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau:
 - a. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật;
 - b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong công ty nếu đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi hoàn trả cho cổ đông;
 - c. Công ty mua lại cổ phần đã phát hành theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định chi tiết tại Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật..
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định theo Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần.
Đề nghị cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới phải có nội dung cam đoan như sau:
 - a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất phải cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ nộp lại Công ty để tiêu hủy;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Công ty được chào bán trái phiếu riêng lẻ, chào bán trái phiếu ra công chúng theo các điều kiện và quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn khác.
3. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu phát hành, thời điểm phát hành và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
4. Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 148 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại Điều lệ này;
5. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng Nghị quyết và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
7. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển

nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết hoặc mất tích, người thừa kế theo di chúc hoặc những người quản lý tài sản của cổ đông đó được
4. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.
6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 9. Thu hồi cổ phần (Đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Việc thu hồi này sẽ bao gồm khoản cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty, được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (mức lãi suất tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản

trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng Giám đốc điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người sở hữu ít nhất một cổ phần trong công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

- a. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo ra cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau và đều được đối xử công bằng;
- b. Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty theo quy định của pháp luật;
- c. Cổ phần phổ thông có thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Có đầy đủ các quyền theo quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 1 Điều này;

b. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định ở điểm dưới đây. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành.

- Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau:

+ Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp:

+ Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - + Gửi phiếu biểu quyết tới cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- c. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - e. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - f. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên, địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - g. Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - j. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - k. Được đối xử bình đẳng.
1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 05% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:**
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của các nhân đối với cổ động là cá nhân, tên, mã doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ động là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày

khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- e. Các quyền khác được quy định của pháp luật.
 - f. Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát được thực hiện tương ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 24 và khoản 3 Điều 34 của Điều lệ này.
5. Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa qua thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại điều khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút và các thiệt hại xảy ra.
6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
7. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời gian (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và nêu rõ lý do, mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

1. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn nhiệm kiểm toán viên được chấp nhận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
 - n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - p. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
 - q. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định vụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số cổ phần phổ thông tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được số cổ đông cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 19, Điều 20 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 1 lần và bất thường theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; .tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - Chuẩn bị chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - Công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch).
- Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;

- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
 7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được công bố theo quy định về pháp luật chứng khoán.

Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ

đồng đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

e. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều này..

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các điểm họp;

- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
11. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần.

Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
 - Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1.2. Nghị quyết của Đại hội về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Sửa đổi, bổ sung nội của Điều lệ Công ty;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

2. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:

2.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2.2 Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điểm 2.1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;

2.3 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;

2.4 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

2.5 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

3. Hiệu lực của Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

3.1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

3.2 Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trừ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp mặt trực tiếp và các trường hợp phải trực tiếp quy định tại Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 20 Điều lệ này, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Khi đó Hội đồng quản trị có thể lấy quyết định từ các cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 17 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc chữ ký và dấu của người đại diện

theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề nêu trong Phiếu lấy ý kiến;
- e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ kí của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Nội dung của Biên bản được lập theo quy định tại Luật doanh nghiệp.
3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty hoặc các phương tiện thông tin khác theo quy định của pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn (chín mươi) 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này (hoặc Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp) có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy

bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin các nhận được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử

viên phải được công bố rõ ràng trước Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 2 nhiệm kỳ liên tục.
 - a. Cơ cấu hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty. Đồng thời cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành với các thành viên không điều hành. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Công ty phải đảm bảo có ít nhất 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
 - c. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và tại Điều lệ công ty như sau:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp
 - b. Có đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh.
 - c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;
 - d. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác;
 - f. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị như sau:

4.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

i. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điều 155 Luật doanh nghiệp và tại Khoản 2 Điều này.

ii. Có đơn xin từ chức và được chấp nhận;

4.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

iii. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

iv. Không trung thực trong việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của công ty, tiết lộ bí mật công ty.

4.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điểm 4.1 và 4.2 Khoản 4 Điều này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp do pháp luật quy định.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những quyền thuộc về thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng, mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của người bị bãi nhiệm (nếu có); Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tổ chức việc chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yên cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị nội bộ công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật;
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập, giải thể, sáp nhập, tổ chức lại các Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với người có liên quan sau đây:

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản ký khác của công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

- c. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. Quyết định khoản đầu tư có giá trị đầu tư nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm gần nhất
 - d. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - e. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - f. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - g. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao vào

thường của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông.
4. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị công ty làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Thay mặt Hội đồng quản trị công ty ký các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị;
 - d. Triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị công ty;
 - e. Các quyền và trách nhiệm khác quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị,

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, tống khứ nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị, hoặc bị miễn nhiệm. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm vì bất kỳ lý do nào, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền); Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên hội đồng quản trị dự họp.

7. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại Điểm b khoản 7 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây;

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

8. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở lấy ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

9. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết

này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

10. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Nội dung chủ yếu của biên bản theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài và đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

11. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THU KÝ CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc điều hành và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 31 Cán bộ quản lý và bộ máy giúp việc

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.
3. Công ty có các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thời hạn là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.
4. Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan tới việc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.
5. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.
6. Các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
7. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Tổng Giám đốc xây dựng trình Hội đồng quản trị phê duyệt, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.
8. Trong quá trình hoạt động, Tổng Giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị thay đổi cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật. Tổng giám đốc được chủ động quyết định tuyển dụng lao động phù hợp với nhu cầu công việc, nhưng đảm bảo chi phí tiền lương không được vượt quá tổng quỹ tiền lương theo dự toán chi phí quản lý được Hội đồng quản trị phê duyệt hàng năm.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng Giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành; ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý Công ty; có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn và ít nhất ba năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty;
 - b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật, thường trú tại Việt Nam;
 - c. Không thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;
 - d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - e. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.
4. Những người không được ký hợp đồng làm Tổng Giám đốc Công ty:
- Những người đã từng làm Tổng Giám đốc Công ty hoặc Giám đốc công ty Nhà nước nhưng vi phạm kỷ luật đến mức bị cách chức, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
5. Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tuyển dụng lao động và ký kết hợp đồng lao động;
 - e. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - f. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và năm tài chính, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị báo cáo bằng văn bản về tình hình tài chính hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
 - g. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho công ty, Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng quản trị phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì

Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc Công ty mẹ;

- h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật.
6. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
7. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:
- a) Để Công ty lỗ liên tiếp 2 năm liền, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận, hoặc do đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;
 - b) Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;
 - c) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng quản trị giao hoặc không hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với Hội đồng quản trị;
 - d) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty;
 - e) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - f) Bị tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực của pháp luật;
 - g) Vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty đến mức nghiêm trọng như: gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích, tài sản của công ty, ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của công ty;

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

- 1. Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị công ty bổ nhiệm và bãi nhiệm. Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký công ty tùy từng thời điểm.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp nhận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty
3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; Từ 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; Từ 40% đến 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 35. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi nhiệm kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chất dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
10. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
11. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
12. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
13. Kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và đệ trình lên Đại hội đồng cổ đông;
14. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
15. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động

bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

16. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
17. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
18. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
19. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
20. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
21. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
22. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
23. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
24. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá

tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác; Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (từ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
 - c. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí sinh hoạt (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ

luật pháp cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
2. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
3. Điều lệ công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu. Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty, bao gồm: (i) một khoản trích vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản này không được vượt quá (05)% lợi nhuận sau thuế của Công ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích lập cho đến khi quỹ dự phòng tài chính bằng (10)% Vốn điều lệ của Công ty;

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 của Điều lệ này và phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định hiện hành.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 53. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54. Chấm dứt hoạt động và giải thể doanh nghiệp

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Trình tự thủ tục giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yêu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ gồm 59 điều, được sửa đổi theo Nghị quyết số 01/2022/NQ- ĐHĐCĐ ngày ... tháng 04 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.
3. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
TRẦN XUÂN CHÍNH			
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
TRẦN XUÂN MINH	NGUYỄN ANH TUẤN	NGÔ ĐÌNH KHƯƠNG	LÊ CÔNG TINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 30 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số nhà A86 – TT9, Khu đô thị mới Văn Quán – Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0246 660 2550
- Fax : 0243 354 5647

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Xây dựng các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500kV; Quản lý và vận hành các toà nhà văn phòng, khu đô thị mới, chung cư.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Xuân Chính	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Xuân Minh	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Đình Khương	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Công Tinh	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Quang Hưng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Đinh Hữu Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Ngọc Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Xuân Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Vũ Quyền	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Cao Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Xuân Minh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0317/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1



Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128.603.261.299	136.489.020.849
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.234.391.870	23.690.761.758
1. Tiền	111		2.234.391.870	18.690.761.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.549.490.443	70.433.949.813
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	77.702.706.179	60.301.843.944
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.608.790.127	2.644.776.701
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	10.629.901.549	7.879.236.580
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(391.907.412)	(391.907.412)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		35.819.378.986	42.364.309.278
1. Hàng tồn kho	141	V.5	35.819.378.986	42.364.309.278
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.784.518.531	11.532.687.270
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.440.000	26.440.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	26.440.000	26.440.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.670.895.379	11.446.776.058
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	7.583.960.973	9.359.841.652
<i>Nguyên giá</i>	222		24.245.653.812	24.466.841.854
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.661.692.839)	(15.107.000.202)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.086.934.406	2.086.934.406
<i>Nguyên giá</i>	228		2.086.934.406	2.086.934.406
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		87.183.152	59.471.212
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		87.183.152	59.471.212
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		138.387.779.830	148.021.708.119

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		89.895.850.102	99.802.028.556
I. Nợ ngắn hạn	310		89.855.850.102	98.415.256.882
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	32.404.847.827	34.293.153.475
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	21.962.306.674	30.409.965.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	4.353.357.275	3.117.152.128
4. Phải trả người lao động	314		3.758.018.954	3.670.059.034
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	13.059.828.741	14.563.752.587
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	5.203.237.974	8.330.966.619
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	4.727.768.501	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	3.531.713.684	3.122.166.727
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	854.770.472	908.040.712
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		40.000.000	1.386.771.674
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	40.000.000	40.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.14	-	1.346.771.674
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.491.929.728	48.219.679.563
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	48.491.929.728	48.219.679.563
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.628.649.803	15.628.649.803
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.863.279.925	2.591.029.760
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	2.591.029.760
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.863.279.925	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		138.387.779.830	148.021.708.119

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Quãn Thiều Nga

Kế toán trưởng



Ngô Đình Khương

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Minh

815

NHÀ

NG

ỀM

H V

HÀ

A -

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	271.232.478.120	209.741.260.017
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		271.232.478.120	209.741.260.017
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	256.090.791.370	197.221.405.171
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.141.686.750	12.519.854.846
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.450.756	74.448.637
7. Chi phí tài chính	22		98.714.410	28.583.843
Trong đó: chi phí lãi vay	23		98.714.410	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	12.397.207.867	12.936.409.963
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.666.215.229	(370.690.323)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	938.133.808	4.133.545.745
12. Chi phí khác	32		8.199.305	215.974.434
13. Lợi nhuận khác	40		929.934.503	3.917.571.311
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.596.149.732	3.546.880.988
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	732.869.807	955.851.228
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.863.279.925</u>	<u>2.591.029.760</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>859</u>	<u>800</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	<u>859</u>	<u>800</u>

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Quản Thiệu Nga

Kế toán trưởng

Ngô Đình Khương

Tổng Giám đốc

TRẦN XUÂN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.596.149.732	3.546.880.988
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6	1.775.880.679	2.086.229.948
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	(937.224.717)	(4.726.411.261)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.888.489)	(58.362.966)
- Chi phí lãi vay	06		98.714.410	28.583.843
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.521.631.615	876.920.552
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.115.540.630)	10.181.868.190
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.544.930.292	(16.499.308.983)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.713.265.721)	(1.289.673.837)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(27.711.940)	(35.245.577)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(98.714.410)	(28.583.843)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(764.571.084)	(1.385.930.508)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(244.300.000)	(615.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.897.541.878)	(8.795.254.006)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(191.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.5	909.091	909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	10.979.398	15.070.313
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.888.489	(175.020.596)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500KV; Quản lý và vận hành các tòa nhà văn phòng, khu đô thị mới, chung cư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 146 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 151 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

49
HI
CÔ
T N
T O
A
T A I
? B

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ phân bổ đã đưa vào sử dụng, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm quyền sử dụng đất, là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ gồm dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 3% trên doanh thu đã ghi nhận của công trình đã quyết toán. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	261.285.827	221.254.322
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.973.106.043	18.469.507.436
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	-	5.000.000.000
Cộng	<u>2.234.391.870</u>	<u>23.690.761.758</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	10.453.483.121	7.080.381.343
Ban quản lý Dự án các công trình điện Miền Bắc	21.803.153.268	23.108.202.091
Ban quản lý Dự án các công trình điện Miền Nam	12.972.784.875	4.585.772.295
Ban quản lý Dự án các công trình điện Miền Trung	23.787.552.968	17.958.230.453
Ban quản lý Dự án Phát triển Điện lực - Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	4.078.324.692	1.315.237.302
Các khách hàng khác	4.607.407.255	6.254.020.460
Cộng	<u>77.702.706.179</u>	<u>60.301.843.944</u>

3. Phải thu khác**3a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cho CBNV là bên liên quan	2.752.679.000	2.735.579.000
Tạm ứng cho CBNV khác	5.272.219.564	2.568.594.305
Các khoản chi hộ tiền đền bù dự án	539.376.000	202.995.049
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Các khoản chi hộ	2.007.036.000	2.301.236.873
Dự thu lãi tiền gửi	-	42.383.562
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	58.590.985	28.447.791
Cộng	<u>10.629.901.549</u>	<u>7.879.236.580</u>

3b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 11, đã quá hạn trên 3 năm.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	391.907.412	462.039.285
Hoàn nhập dự phòng	-	(70.131.873)
Số cuối năm	<u>391.907.412</u>	<u>391.907.412</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	360.348.847	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.905.357.821	3.176.196.809
Công cụ, dụng cụ	39.963.301	29.468.776
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.513.709.017	39.158.643.693
Trong đó:		
Công trình trạm biến áp 220 KV Sơn Động	4.490.132.018	14.185.251.936
Công trình trạm biến áp và đường dây 500 KV Đốc Sỏi - Pleiku	4.604.694.545	6.950.136.377
Công trình đường dây 500 KV Sông Hậu - Đức Hòa	3.347.676.364	1.646.783.636
Công trình Trạm biến áp 220kV Châu Thành	3.580.891.905	759.415.026
Công trình đường dây 500 KV Quảng Trạch	2.652.035.255	2.495.219.940
Cộng	<u>35.819.378.986</u>	<u>42.364.309.278</u>

6. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.893.142.394	3.056.784.406	4.480.145.454	36.769.600	24.466.841.854
Thanh lý, nhượng bán	-	(221.188.042)	-	-	(221.188.042)
Số cuối năm	<u>16.893.142.394</u>	<u>2.835.596.364</u>	<u>4.480.145.454</u>	<u>36.769.600</u>	<u>24.245.653.812</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	58.492.000	792.687.273	4.480.145.454	36.769.600	5.368.094.327
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.971.915.307	1.822.060.981	4.276.254.314	36.769.600	15.107.000.202
Khấu hao trong năm	1.122.310.032	449.679.507	203.891.140	-	1.775.880.679
Thanh lý, nhượng bán	-	(221.188.042)	-	-	(221.188.042)
Số cuối năm	<u>10.094.225.339</u>	<u>2.050.552.446</u>	<u>4.480.145.454</u>	<u>36.769.600</u>	<u>16.661.692.839</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.921.227.087	1.234.723.425	203.891.140	-	9.359.841.652
Số cuối năm	<u>6.798.917.055</u>	<u>785.043.918</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.583.960.973</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

7. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại Lô A86 – TT9, Khu Đô thị mới Văn Quán – Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội và tại Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Toàn bộ giá trị của tài sản cố định vô hình này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.300.233.983	2.572.830.274
Công ty Cổ phần Công nghiệp CIMEXCO	-	2.895.488.145
Công ty Cổ phần Việt Vương	-	7.548.251.758
Công ty TNHH Toàn Thành Đô	2.465.026.473	-
Các nhà cung cấp khác	27.639.587.371	21.276.583.298
Cộng	<u>32.404.847.827</u>	<u>34.293.153.475</u>

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Các công trình Điện Miền Nam	3.859.729.937	10.683.919.965
Ban quản lý dự án Các công trình Điện Miền Trung	9.722.821.549	4.380.523.713
Ban quản lý dự án Các công trình Điện Miền Bắc	7.358.449.747	15.185.059.629
Các khách hàng khác	1.021.305.441	160.462.293
Cộng	<u>21.962.306.674</u>	<u>30.409.965.600</u>

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.015.047.385	6.754.565.514	(5.381.842.472)	3.387.770.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp	764.571.084	732.869.807	(764.571.084)	732.869.807
Thuế thu nhập cá nhân	337.533.659	162.563.959	(281.369.156)	218.728.462
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.988.579	-	13.988.579
Cộng	<u>3.117.152.128</u>	<u>7.666.987.859</u>	<u>(6.430.782.712)</u>	<u>4.353.357.275</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.596.149.732	3.546.880.988
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	68.199.305	275.974.434
- Các khoản điều chỉnh tăng	68.199.305	275.974.434
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	<u>3.664.349.037</u>	<u>3.822.855.422</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	<u>732.869.807</u>	<u>764.571.084</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	<u>-</u>	<u>191.280.144</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>732.869.807</u>	<u>955.851.228</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí các công trình trích trước	6.157.601.955	14.105.952.587
Chi phí quản lý tòa nhà trích trước	6.902.226.786	457.800.000
Cộng	<u>13.059.828.741</u>	<u>14.563.752.587</u>

12. Phải trả khác

12a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	287.506.285	325.063.741
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	196.905.475	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.000.000	8.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.227.240.000	1.125.725.000
Tiền đảng phí phải nộp	439.447.726	434.042.348
Phải trả các tổ đội	2.520.796.178	6.060.878.251
Các khoản phải trả, phải nộp khác	523.342.310	377.257.279
Cộng	<u>5.203.237.974</u>	<u>8.330.966.619</u>

12b. Phải trả dài hạn khác.

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược.

13. Vay ngắn hạn

Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hợp đồng hạn mức số 63/2020-HĐCVHM/NHCT324-XLDVSD ngày 25 tháng 9 năm 2020, hạn mức cho vay tại mọi thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, năm 2021 là 6,8%/năm. Thời hạn vay 6 tháng mỗi lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và xe ô tô.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	1.138.363.611
Số tiền vay phát sinh	6.647.800.791	-
Số tiền vay đã trả	(1.920.032.290)	(1.138.363.611)
Số cuối năm	<u>4.727.768.501</u>	<u>-</u>

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Dự phòng phải trả**

Là dự phòng bảo hành của các công trình xây lắp. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình Đà Nẵng - Quảng Ngãi	2.184.942.010	2.184.942.010
Công trình TBA 220kV Lưu Xá	1.346.771.674	1.346.771.674
Các công trình khác	-	937.224.717
Cộng	3.531.713.684	4.468.938.401
<i>Trong đó: Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	<i>3.531.713.684</i>	<i>3.122.166.727</i>
<i> Dự phòng phải trả dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>1.346.771.674</i>

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	568.040.712	191.029.760	(244.300.000)	514.770.472
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	340.000.000	-	-	340.000.000
Cộng	908.040.712	191.029.760	(244.300.000)	854.770.472

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	30.000.000.000	12.962.702.114	6.295.497.432	49.258.199.546
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.591.029.760	2.591.029.760
Trích lập các quỹ	-	2.665.947.689	(3.295.497.432)	(629.549.743)
Chia cổ tức	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	15.628.649.803	2.591.029.760	48.219.679.563
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	15.628.649.803	2.591.029.760	48.219.679.563
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	2.863.279.925	2.863.279.925
Trích lập các quỹ	-	-	(191.029.760)	(191.029.760)
Chia cổ tức	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	15.628.649.803	2.863.279.925	48.491.929.728

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Trần Xuân Chính	4.882.500.000	4.882.500.000
Ông Trần Xuân Minh	3.223.250.000	3.223.250.000
Ông Ngô Đình Khương	3.239.500.000	3.239.500.000
Nguyễn Anh Tuấn	3.163.500.000	3.163.500.000
Các cổ đông khác	15.491.250.000	15.491.250.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (8%)	: 2.400.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 191.029.760

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.660.919.064	51.801.482.257
Doanh thu hoạt động xây lắp	226.571.559.056	157.939.777.760
Cộng	<u>271.232.478.120</u>	<u>209.741.260.017</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	41.258.387.543	43.354.411.905
Giá vốn hoạt động xây lắp	214.832.403.827	153.866.993.266
Cộng	<u>256.090.791.370</u>	<u>197.221.405.171</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.979.398	57.453.875
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.471.358	16.994.762
Cộng	<u>20.450.756</u>	<u>74.448.637</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.866.843.638	8.411.552.800
Chi phí vật liệu quản lý	372.113.042	500.502.229
Chi phí đồ dùng văn phòng	76.016.909	82.761.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.352.272.962	1.542.046.469
Thuế, phí và lệ phí	49.082.768	79.814.800
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(70.131.873)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.427.515	821.134.751
Các chi phí khác	982.451.033	1.568.729.106
Cộng	<u>12.397.207.867</u>	<u>12.936.409.963</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	909.091	909.091
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	937.224.717	4.132.636.654
Cộng	<u>938.133.808</u>	<u>4.133.545.745</u>

6. Lãi trên cổ phiếu

6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.863.279.925	2.591.029.760
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(286.327.993)	(191.029.760)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.576.951.933	2.400.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>859</u>	<u>800</u>

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay được tạm tính theo quy định trong điều lệ công ty là 10% lợi nhuận kế toán sau thuế.

6b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do điều chỉnh lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 4 năm 2021, làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 777 VND/CP lên 800 VND/CP.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.463.692.167	97.526.987.764
Chi phí nhân công	50.623.586.988	43.916.846.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.775.880.679	2.086.229.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.912.559.151	77.574.970.033
Chi phí khác	5.067.345.576	7.383.095.280
Cộng	<u>253.843.064.561</u>	<u>228.488.129.899</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty chỉ bao gồm các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Ban Tổng giám đốc		
Tạm ứng	1.240.000.000	705.000.000
Hoàn tạm ứng	352.500.000	700.000.000
Thành viên Ban kiểm soát		
Tạm ứng	2.000.000.000	30.000.000
Hoàn tạm ứng	2.870.400.000	646.921.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại Thuyết minh số V.3.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cổ tức</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay					
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc					
Ông Trần Xuân Chính	Chủ tịch	481.762.500	72.000.000	390.600.000	944.362.500
Ông Trần Xuân Minh	Thành viên/ Tổng Giám đốc	428.856.818	60.000.000	265.860.000	754.716.818
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	376.891.495	60.000.000	264.040.000	700.931.495
Ông Ngô Đình Khương	Thành viên/ Kế toán trưởng	375.434.727	60.000.000	259.160.000	694.594.727
Ông Lê Công Tinh	Thành viên	-	60.000.000	-	60.000.000
Ông Đặng Vũ Quyền	Phó Tổng Giám đốc	315.502.593	-	57.760.000	373.262.593
Ông Nguyễn Cao Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	376.836.364	-	15.560.000	392.396.364
Ban kiểm soát					
Ông Trần Quang Hưng	Trưởng Ban	188.439.700	48.000.000	20.940.000	257.379.700
Ông Đinh Hữu Phương	Thành viên	251.450.914	36.000.000	44.600.000	332.050.914
Ông Trần Ngọc Tân	Thành viên	251.026.464	36.000.000	42.760.000	329.786.464
Cộng		2.670.766.848	372.000.000	1.102.120.000	4.839.481.575

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng thu nhập
Năm trước					
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc					
Ông Trần Xuân Chính	Chủ tịch	461.129.318	72.000.000	518.250.000	1.051.379.318
Ông Trần Xuân Minh	Thành viên/ Tổng Giám đốc	386.143.318	60.000.000	332.325.000	778.468.318
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	360.275.136	60.000.000	330.050.000	750.325.136
Ông Ngô Đình Khương	Thành viên/ Kế toán trưởng	336.361.364	60.000.000	323.950.000	720.311.364
Ông Lê Công Tinh	Thành viên	-	60.000.000	5.750.000	65.750.000
Ông Đặng Vũ Quyền	Phó Tổng Giám đốc	355.118.843	-	72.200.000	427.318.843
Ông Nguyễn Cao Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	184.505.882	-	19.450.000	203.955.882
Ban kiểm soát (*)					
Ông Trần Quang Hưng	Trưởng Ban	206.174.727	48.000.000	26.175.000	280.349.727
Ông Đinh Hữu Phương	Thành viên	262.028.008	36.000.000	55.750.000	353.778.008
Ông Trần Ngọc Tân	Thành viên	261.771.545	24.000.000	53.450.000	339.221.545
Cộng		2.477.146.777	360.000.000	1.413.400.000	4.046.590.895

(*) Trình bày bổ sung tiền lương năm trước của Ban kiểm soát

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại dịch vụ: quản lý tòa nhà
- Lĩnh vực xây lắp: xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	44.660.919.064	226.571.559.056	271.232.478.120
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.660.919.064	226.571.559.056	271.232.478.120
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.402.531.521	11.739.155.229	15.141.686.750
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(12.397.207.867)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.744.478.883
Doanh thu hoạt động tài chính			20.450.756
Chi phí tài chính			(98.714.410)
Thu nhập khác			938.133.808
Chi phí khác			(8.199.305)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(732.869.807)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.863.279.925
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	222.664.165	1.553.216.514	1.775.880.679

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	51.801.482.257	157.939.777.760	209.741.260.017
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.801.482.257	157.939.777.760	209.741.260.017
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.447.070.352	4.072.784.494	12.519.854.846
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(12.936.409.963)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(416.555.117)
Doanh thu hoạt động tài chính			74.448.637
Chi phí tài chính			(28.583.843)
Thu nhập khác			4.133.545.745
Chi phí khác			(215.974.434)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(955.851.228)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.591.029.760
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	191.000.000	191.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	469.786.432	1.616.443.516	2.086.229.948

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	13.223.081.175	108.369.472.856	121.592.554.031
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			16.795.225.799
Tổng tài sản			138.387.779.830
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.350.887.035	66.914.156.470	75.265.043.505
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			14.630.806.597
Tổng nợ phải trả	8.350.887.035	66.914.156.470	89.895.850.102
Số đầu năm (*)			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	10.774.891.288	99.018.209.203	109.793.100.491
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			38.228.607.628
Tổng tài sản			148.021.708.119
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.235.769.556	89.387.264.305	91.623.033.861
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			8.178.994.695
Tổng nợ phải trả			99.802.028.556

(*) Số đầu năm đã được trình bày lại cho phù hợp với số cuối năm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Quán Thiều Nga

Kế toán trưởng



Ngô Đình Khương

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Minh

